

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 23/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thúy

2. Ông Lý Ba Duy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh TN: Bà Vũ Thị Năm, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện VN, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện VN, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày: Năm 2013 chị và anh Hoàng Văn H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện VN. Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Đỗ Gia Minh, sinh ngày 06/4/2014. Về tài sản chung và khoản nợ chung không có.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp được, trong cuộc sống đôi khi có xảy ra va chạm

dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đỗ Thị M xác định việc duy trì tình cảm vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Hoàng Văn H để giải phóng cho nhau, mỗi người tự tạo dựng cuộc sống riêng cho mình. Về con chung: Chị có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Đỗ Gia Minh, sinh ngày 06/4/2014; Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và khoản nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị M nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H nhất trí về thời gian kết hôn. Vợ, chồng anh chị có 01 con chung; Tài sản chung và khoản nợ chung không có. Về nguyên nhân xin ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm không hiểu nhau nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nay chị M xin ly hôn anh không nhất trí. Nếu buộc phải ly hôn thì anh nhất trí để chị M nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và khoản nợ tự thỏa thuận.

Kết thúc phần hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH, Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị M, cho chị M được ly hôn với anh Hoàng Văn H. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đỗ Gia Minh, sinh ngày 06/4/2014 cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung; khoản nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; về án phí chị M phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

[2]. Về nội dung: Năm 2013 chị M và anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân xã L, huyện VN, tỉnh TN, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Mặc dù tại phiên tòa anh H không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Đỗ Gia Minh, sinh ngày 06/4/2014 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì Nguyên đơn không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 273, Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị M, cho chị M được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đỗ Gia Minh, sinh ngày 06/4/2014 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì Nguyên đơn không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

4. Án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004913 ngày 06/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Huyền